

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3001A/ 2026/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý IV.2025 và Giải
trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
- Mã chứng khoán: JVC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Văn Toàn**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam công bố Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 như sau:

- Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 (giai đoạn 01/10/2025 - 31/12/2025) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
<https://vmpi.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
- Giải trình Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 (giai đoạn 01/10/2025 - 31/12/2025) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV.2025 so với Quý IV.2024 có sự biến động hơn 10% cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm 2025 (giai đoạn 01/10/2025 - 31/12/2025)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	278,786,434,106	180,791,367,803	97,995,066,303	54%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,869,756,322	95,285,714	2,774,470,608	2,912%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	275,916,677,784	180,696,082,089	95,220,595,695	53%
4.	Giá vốn hàng bán	241,661,223,837	135,052,018,324	106,609,205,513	79%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,255,453,947	45,644,063,765	(11,388,609,818)	(25%)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	9,962,131,845	13,776,784,888	(3,814,653,043)	(28%)
7.	Chi phí tài chính	4,322,074,059	(1,723,192,541)	6,045,266,600	351%
	Trong đó: chi phí lãi vay	4,178,236,059	1,581,034,272	2,597,201,787	164%



STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
8.	Chi phí bán hàng	16,839,730,311	13,402,884,220	3,436,846,091	26%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,092,708,009	13,410,437,904	(1,317,729,895)	(10%)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,963,073,413	34,330,719,070	(23,367,645,657)	(68%)
11.	Thu nhập khác	6,051,429,160	2,460,627,379	3,590,801,781	146%
12.	Chi phí khác	3,999,303,135	6,309,125,216	(2,309,822,081)	(37%)
13.	Lợi nhuận khác	2,052,126,025	(3,848,497,837)	5,900,623,862	153%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,015,199,438	30,482,221,233	(17,467,021,795)	(57%)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,886,272,931	13,887,701,141	(11,001,428,210)	(79%)
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,128,926,507	16,594,520,092	(6,465,593,585)	(39%)

Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quý IV.2025 giảm 39% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Mức độ cạnh tranh trong ngành gia tăng dẫn đến biên lợi nhuận gộp giảm.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 28%, Chi phí tài chính tăng 351%, Chi phí bán hàng tăng 26% tiếp tục góp phần vào việc giảm lợi nhuận của Công ty.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2025 (giai đoạn 01/10/2025 - 31/12/2025)

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	287,818,029,750	187,800,480,471	100,017,549,279	53%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,869,756,322	95,285,714	2,774,470,608	2,912%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	284,948,273,428	187,705,194,757	97,243,078,671	52%
4.	Giá vốn hàng bán	247,825,423,411	139,000,693,274	108,824,730,137	78%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,122,850,017	48,704,501,483	(11,581,651,466)	(24%)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	10,020,113,149	13,782,406,117	(3,762,292,968)	(27%)
7.	Chi phí tài chính	5,156,815,769	1,612,931,472	3,543,884,297	220%
	Trong đó: chi phí lãi vay	5,012,977,769	1,581,034,272	3,431,943,497	217%
8.	Chi phí bán hàng	16,876,396,978	14,199,707,424	2,676,689,554	19%
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,509,947,770	32,926,906,761	(21,416,958,991)	(65%)
10.	Thu nhập khác	4,824,156,436	970,927,518	3,853,228,918	397%
11.	Chi phí khác	3,723,493,612	4,491,035,984	(767,542,372)	(17%)
12.	Lợi nhuận khác	1,100,662,824	(3,520,108,466)	4,620,771,290	131%
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,610,610,594	29,406,798,295	(16,796,187,701)	(57%)
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,859,490,432	13,891,689,009	(11,032,198,577)	(79%)
15.	(Lợi ích)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(109,849,624)	(895,437,777)	785,588,153	88%
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,860,969,786	16,410,547,063	(6,549,577,277)	(40%)

78800
G TY
PHÂN
C TỬ
JỘC PHẢ
NAM
TP. HÀ

Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý IV.2025 giảm 40% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Mức độ cạnh tranh trong ngành gia tăng dẫn đến biên lợi nhuận gộp giảm.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 27%, chi phí tài chính tăng 220%, chi phí bán hàng tăng 19% tiếp tục góp phần vào việc giảm lợi nhuận hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN 



VŨ VĂN TOÀN



**VIETNAM MEDICAL AND
PHARMACEUTICAL
INVESTMENT JOINT STOCK
COMPANY**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence -Freedom -Happiness**

No: 3001A / 2026/CV-JVC
(V/v: Declare Quarter IV.2025 Financial
Report and Explain Profit after Tax)

Hanoi, 30 Jan 2026

**Respectfully Addressed To: - STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
- HOCHIMINH STOCK EXCHANGE**

- Company name: **VIETNAM MEDICAL AND PHARMACEUTICAL INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**
- Stock code: **JVC**
- Headquater Address: 24th Floor, ICON4 Tower, 243A De La Thanh, Lang Ward, Hanoi
City.
- Tel: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Information Declaring Representative: **Vu Van Toan**
- Address: 24th Floor, ICON4 Tower, 243A De La Thanh, Lang Ward, Hanoi City.
- Telephone: 0243 683 0516
- Types of declared information: ☐ 24 hour ☐ extraordinary ☐ as requested : ☒
periodical

Content of declared information (*):

Vietnam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company declares the Quarter
IV.2025 Financial Report as following:

1. The Quarter IV.2025 Financial Report (from 01 Oct 2025 to 31 Dec 2025) was declared
on our company's website at the link:
<https://vmpt.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>

2. Explanation for The Quarter IV.2025 Financial Report (from 01 Oct 2025 to 31 Dec 2025) as Profit after tax of Quarter IV.2025 fluctuates over 10% compared to that of Quarter IV.2024:

a. Separate Financial Report of Quarter IV.2025 (from 01 Oct 2025 to 31 Dec 2025)

STT	ITEMS	From 01/10/2025 to 31/12/2025	From 01/10/2024 to 31/12/2024	Difference	Increase/ Decrease (%)
1.	Revenue from goods sold and services rendered	278,786,434,106	180,791,367,803	97,995,066,303	54%
2.	Revenue deduction	2,869,756,322	95,285,714	2,774,470,608	2,912%
3.	Net Revenue from goods sold and services rendered	275,916,677,784	180,696,082,089	95,220,595,695	53%
4.	Cost of goods sold	241,661,223,837	135,052,018,324	106,609,205,513	79%
5.	Gross profit from goods sold and services rendered	34,255,453,947	45,644,063,765	(11,388,609,818)	(25%)
6.	Financial income	9,962,131,845	13,776,784,888	(3,814,653,043)	(28%)
7.	Financial expenses	4,322,074,059	(1,723,192,541)	6,045,266,600	351%
	Of which: interest expense	4,178,236,059	1,581,034,272	2,597,201,787	164%
8.	Selling expenses	16,839,730,311	13,402,884,220	3,436,846,091	26%
9.	General and Administration expenses	12,092,708,009	13,410,437,904	(1,317,729,895)	(10%)
10.	Operating profit	10,963,073,413	34,330,719,070	(23,367,645,657)	(68%)
11.	Other income	6,051,429,160	2,460,627,379	3,590,801,781	146%
12.	Other expenses	3,999,303,135	6,309,125,216	(2,309,822,081)	(37%)
13.	Profit from other activities	2,052,126,025	(3,848,497,837)	5,900,623,862	153%
14.	Accounting profit before tax	13,015,199,438	30,482,221,233	(17,467,021,795)	(57%)
15.	Current corporate income tax	2,886,272,931	13,887,701,141	(11,001,428,210)	(79%)
16.	Deferred corporate income tax expense	10,128,926,507	16,594,520,092	(6,465,593,585)	(39%)

Explanation:

The parent company's profit after corporate income tax in the Q4 2025 Income Statement decreased by 39% compared to the same period last year, due to several key factors as follows:

- Increased industry competition led to a decline in gross profit margin.
- Financial income dropped by 28%, financial expenses surged by 351%, and selling expenses rose by 26%, all of which continued to contribute to the Company's profit decline.

b. Consolidated Financial Report of Quarter IV.2025 (from 01 Oct 2025 to 31 Dec 2025)

STT	Items	From 01/10/2025 to 31/12/2025	From 01/10/2024 to 31/12/2024	Difference	Increase/ Decrease (%)
1.	Revenue from goods sold and services rendered	287,818,029,750	187,800,480,471	100,017,549,279	53%
2.	Revenue deduction	2,869,756,322	95,285,714	2,774,470,608	2,912%
3.	Net Revenue from goods sold and services rendered	284,948,273,428	187,705,194,757	97,243,078,671	52%
4.	Cost of goods sold	247,825,423,411	139,000,693,274	108,824,730,137	78%
5.	Gross profit from goods sold and services rendered	37,122,850,017	48,704,501,483	(11,581,651,466)	(24%)
6.	Financial income	10,020,113,149	13,782,406,117	(3,762,292,968)	(27%)
7.	Financial expenses	5,156,815,769	1,612,931,472	3,543,884,297	220%
	Of which: interest expense	5,012,977,769	1,581,034,272	3,431,943,497	217%
8.	Selling expenses	16,876,396,978	14,199,707,424	2,676,689,554	19%
9.	General and Administration expenses	11,509,947,770	32,926,906,761	(21,416,958,991)	(65%)
10.	Other income	4,824,156,436	970,927,518	3,853,228,918	397%
11.	Other expenses	3,723,493,612	4,491,035,984	(767,542,372)	(17%)
12.	Profit from other activities	1,100,662,824	(3,520,108,466)	4,620,771,290	131%
13.	Accounting profit before tax	12,610,610,594	29,406,798,295	(16,796,187,701)	(57%)
14.	Current corporate income tax	2,859,490,432	13,891,689,009	(11,032,198,577)	(79%)
15.	Deferred corporate income tax expense	(109,849,624)	(895,437,777)	785,588,153	88%
16.	Profit after tax	9,860,969,786	16,410,547,063	(6,549,577,277)	(40%)

Explanation:

Profit after corporate income tax in the Q4 2025 Consolidated Income Statement decreased by 40% compared to the same period last year, due to several key factors as follows:

- Rising competition in the industry resulted in a decline in gross profit margin.
- Financial income decreased by 27%, while financial expenses increased by 220%, and selling expenses rose by 19%, all of which continued to contribute to the Company's consolidated profit decline.

Vietnam Medical And Pharmaceutical Investment Joint Stock Company affirms that the information provided above is truthful and accurate.



Sincerely!

INFORMATION DECLARING
REPRESENTATIVE

To:

- *As Respectfully Addressed To;*
- *Archived in clerical department.*



VU VAN TOAN

